

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2017
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tâm

2/. Bà Đỗ Kim Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2017/TLST-HN ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A), sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Chị Phan Huyền B, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp CK, xã AP, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh A và chị B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) và chị Phan Huyền B thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Mỹ A và chị Phan Huyền B cùng thống nhất xác định vợ chồng anh chị cưới nhau vào khoảng năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh A xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống A phúc, nhưng sau khi cưới nhau khoảng hơn một năm thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn A phúc. Nguyên nhân chính là do anh chị kết hôn không phải do quen biết mà là do mai mối, nên khi cưới nhau về thì anh chị sống không hợp nhau. Vào khoảng tháng 3 năm 2016 trong một lần vợ chồng cự cãi với nhau thì vợ anh đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn A phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn mâu thuẫn được và anh không còn tình cảm với vợ anh, nên anh yêu cầu xin được ly hôn với vợ anh là chị Phan Huyền B.

Nguyên nhân ly hôn theo chị B xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống A phúc, nhưng vào khoảng tháng 3/2016 thì trong một lần mâu thuẫn với gia đình bên chồng thì chị đã ẵm con về nhà mẹ ruột chị sống đến nay. Trong thời gian chị về nhà cha mẹ ruột đến nay thì chị không có quay về bên nhà chồng, nhưng chồng chị vẫn thường xuyên tới lui chăm sóc mẹ con chị, anh chị vẫn quan hệ vợ chồng bình thường, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Hiện tại chị vẫn còn thương chồng, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chồng chị là anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A)

Về nuôi con chung: anh A và chị B cùng thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung tên Nguyễn Thuyên Kim, sinh ngày 06/4/2014, hiện đang sống với chị B.

Khi ly hôn anh A đồng ý giao con cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng đến khi con của anh chị tròn 18 tuổi.

Chị B xác định nếu Tòa án giải quyết cho anh A được ly hôn thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.600.000đ. Thời gian cấp dưỡng đến khi con chị tròn 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: anh A và chị B thống nhất xác định vợ chồng anh chị có tổng cộng 3,4 lượng vàng 24K. Chị B đang quản lý 1,4 lượng vàng 24K, còn lại 02 lượng vàng 24K thì cho người dì thứ 7 của anh A tên Trương Thị Lợi mượn 02 lượng vàng 24K. Khi ly hôn anh A và chị B thống nhất xác định anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ: anh A và chị B thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có nợ ai, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh A xác định anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị B. Anh A và chị B xác định anh chị không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Giữa anh A và chị B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, tại phiên tòa chị B xác định chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh A, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B là hoàn toàn phù hợp.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng sự thỏa thuận của anh A và chị B, giao người con tên Nguyễn Thuyên Kim, sinh ngày 06/4/2014 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con của anh A và chị B tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh A và chị B thống nhất xác định anh chị tự thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ: do anh A và chị B không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì anh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị B. Chị B có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về nội dung vụ án: anh A và chị B kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc vào ngày 10/02/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân hiện tại của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh A đối với chị B thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình A phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh A và chị B lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu

thuần không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân từ khoảng tháng 3/2016 đến nay. Chị B thì về cha mẹ ruột chị sinh sống, còn anh A thì vẫn ở tại căn nhà của vợ chồng anh chị ở trước đây. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa anh A vẫn cương quyết xin ly hôn với chị B, anh A xác định hiện tại anh không còn tình cảm gì với chị B, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn A phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía anh A xác định hiện tại anh đã không còn tình cảm gì với chị B, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh A và chị B là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn A phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa hôm nay chị B xác định chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh A, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: kể từ lúc anh A và chị B ly thân với nhau thì con là do chị B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chị B vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển sau này của con. Đồng thời giữa anh A và chị B cũng đã thống nhất thỏa thuận giao con cho B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, việc thỏa thuận của anh A và chị B là phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Giao người con tên Nguyễn Thuyên Kim, sinh ngày 06/4/2014 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn có căn cứ.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B đối với anh A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Trong vụ án này giữa anh A và chị B không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh A không có nghề nghiệp ổn định, nguồn thu nhập chủ yếu là dựa vào sự chu cấp của gia đình, hơn nữa mức cấp dưỡng anh A đưa là 1.000.000đ/tháng là đã cao hơn so với quy định của pháp luật. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh A nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng đến khi con của anh chị tròn 18 tuổi.

Anh A có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh A chứng minh được chị B nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: anh A và chị B thống nhất xác định khi ly hôn anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Do anh A và chị B không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) và chị Phan Huyền B.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con tên Nguyễn Thuyên Kim, sinh ngày 06/4/2014 cho chị Phan Huyền B được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Buộc anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thuyên Kim, sinh ngày 06/4/2014 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2017) cho đến khi cháu Nguyễn Thuyên Kim, sinh ngày 06/4/2014 tròn 18 tuổi.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006639 ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

5/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Nguyễn Mỹ A (Nguyễn Mỹ A) và chị Phan Huyền B biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã An Phúc
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng